

UBND TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ
VẬN TẢI BIỂN VŨNG TÀU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 76 /CV.VTS

Bà Rịa - Vũng tàu, ngày 26 tháng 01 năm 2024

V/v Niêm yết giá dịch vụ hoa tiêu
hàng hải.

Kính gửi: Quý khách hàng, chủ tàu, đại lý.

Thực hiện Nghị định số 146/2016/NĐ-CP ngày 02/11/2016 của Chính phủ về Quy định niêm yết giá, phụ thu ngoài giá dịch vụ vận chuyển hàng hóa container bằng đường biển, giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam.

Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng tàu đăng ký thông tin và thực hiện niêm yết giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải như sau (đính kèm bảng niêm yết giá):

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu.
- Địa chỉ giao dịch: số 01 Thống Nhất, P1, TP.Vũng Tàu.
- Số điện thoại liên lạc: 0254.3852185 Số fax: 0254.3858919
- Địa chỉ trang thông tin điện tử của đơn vị: www.vungtauship.com
- Địa chỉ email: vts@vungtauship.com

Mức giá niêm yết thực hiện từ ngày 15 tháng 02 năm 2024.

Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã niêm yết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (để b/c);
- Ban TGD (để b/c);
- Lưu: VT, TC-KT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Cẩm

Vũng Tàu, ngày 26 tháng 01 năm 2024

BẢNG NIÊM YẾT GIÁ

(Ban hành kèm theo Công văn số 76 /CV.VTS ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu)

I. Bảng giá niêm yết

STT	Tên dịch vụ cung ứng	Qui cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá niêm yết hiện hành (đã bao gồm thuế GTGT 8%)	Mức giá niêm yết mới (đã bao gồm thuế GTGT 8%)	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa					
1.1	- Dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại các tuyến dẫn tàu: Thị Vải (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu). - Giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu 2.160.000đồng/lượt dẫn tàu.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số GCN: HT 3804/2.22.31	Đồng/ GT/HL Đồng/lượt dẫn tàu	43,20 540.000	43,20 2.160.000	Không 300
1.2	- Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển trong cảng mà khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý. - Giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu 2.160.000 đồng/lượt dẫn tàu	Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số GCN: HT 3804/2.22.31	Đồng/GT Đồng/lượt dẫn tàu	64,80 324.000	64,80 2.160.000	Không 566,67
1.3	- Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với các loại tàu thuyền trên các tuyến còn lại - Giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu là	Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số GCN: HT 3804/2.22.31	Đồng/ GT/HL Đồng/lượt dẫn tàu	27 540.000	27 2.160.000	Không 3

	2.160.000 đồng/lượt dẫn tàu					
1.4	<p>Hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 03 giờ, người yêu cầu hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi theo mức như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoa tiêu - Hoa tiêu và phương tiện <p>+ Hoa tiêu chưa xuất phát: tính 01 giờ;</p> <p>+ Hoa tiêu đã rời vị trí xuất phát: thời gian chờ đợi tính từ lúc xuất phát đến khi hoa tiêu trở về vị trí ban đầu, thời gian chờ đợi trong trường hợp này được tính tối thiểu là 01 giờ;</p> <p>+ Hoa tiêu đã làm xong việc dẫn đường, nếu thuyền trưởng vẫn giữ hoa tiêu lại sẽ tính thêm tiền chờ đợi theo thời gian giữ lại thực tế.</p>	Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số GCN: HT 3804/2.22.31	<p>Đồng/giờ/người</p> <p>Đồng/giờ/người và phương tiện</p>	<p>21.600</p> <p>216.000</p>	<p>32.400</p> <p>216.000</p>	<p>50</p> <p>Không</p>
1.5	Hủy bỏ yêu cầu dịch vụ hoa tiêu sau khi hoa tiêu đã chờ đợi tại địa điểm yêu cầu dịch vụ hoa tiêu quá 04 giờ	Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số GCN: HT 3804/2.22.31	Đồng/GT/HL	80% theo giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	80% theo giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	Không
1.6	Hoa tiêu đã lên tàu mà người yêu cầu hoa tiêu hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số GCN: HT 3804/2.22.31	Đồng/GT/HL	80% theo giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	80% theo giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	Không
1.7	Tàu thuyền có hành trình để thử máy móc, thiết bị hiệu chỉnh la bàn.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số GCN: HT 3804/2.22.31	Đồng/GT/HL	110% mức giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	110% mức giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	Không
1.8	Tàu thuyền không tự vận hành được vì lý do	Theo tiêu chuẩn ISO	Đồng/GT/HL	Không quy định	150% mức giá quy	150

	sự cố kỹ thuật mà phải sử dụng tàu lai.	9001:2015 số GCN: HT 3804/2.22.31			định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	
1.9	Tàu thuyền yêu cầu hoa tiêu đột xuất (ngoài quy định tại các điểm 1.4, 1.5, 1.6, 1.7 và 1.8 khoản này);	Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số GCN: HT 3804/2.22.31	Đồng/GT/HL	Không quy định	110% mức giá quy định tại điểm 1.1, 1.2, 1.3	110
1.10	Hoa tiêu đã lên tàu nhưng tàu thuyền không vận hành được vì lý do bất khả kháng, có xác nhận của cảng vụ hàng hải;	Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số GCN: HT 3804/2.22.31	Đồng/GT/HL	Thu bằng giá tối thiểu cho 1 tàu/ lượt dẫn tàu	Thu bằng giá tối thiểu cho 1 tàu/ lượt dẫn tàu	Không
1.11	Tàu thuyền không tới thẳng cảng đến mà yêu cầu neo lại dọc đường (trừ các tuyến không được chạy đêm) người yêu cầu hoa tiêu phải trả chi phí phương tiện phát sinh thêm trong việc đưa đón hoa tiêu	Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số GCN: HT 3804/2.22.31	Đồng/ tàu/ lượt	324.000	324.000	Không
1.12	Tàu thuyền phải dịch chuyển giữa các cầu cảng trong phạm vi bến cảng theo yêu cầu của giám đốc doanh nghiệp cảng	Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số GCN: HT 3804/2.22.31	Đồng/GT	Không quy định	64,80	100
2	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế					
2.1	Dịch vụ hoa tiêu áp dụng đối với tàu thuyền có tổng dung tích dưới 200 GT (kể cả tàu đánh bắt cá)	Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số GCN: HT 3804/2.22.31	USD/1 lượt dẫn tàu	43,20	43,20	không
2.2	- Dịch vụ hoa tiêu áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển trong cảng mà khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý. - Giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu: 108 USD/lượt dẫn tàu	Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số GCN: HT 3804/2.22.31	USD/GT	0,0162	0,0162	Không
			USD/1 lượt dẫn tàu	108	108	Không

2.3	<p>Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với một lượt dẫn tàu thuyền chở container xuất, nhập khẩu, trung chuyển vào, rời các bến cảng trên sông Cái Mép - Thị Vải có dung tích từ 50.000GT trở lên, giá dịch vụ hoa tiêu được tính lũy tiến như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dưới 10 hải lý; - Từ 10 hải lý đến 30 hải lý; - Trên 30 hải lý; <p>Giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu : 324 USD/lượt dẫn tàu</p>	Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số GCN: HT 3804/2.22.31	USD/GT/HL	0,00184 0,00119 0,00081	0,00184 0,00119 0,00081	Không Không Không
2.4	<p>Đối với các trường hợp sử dụng dịch vụ hoa tiêu ngoài các trường hợp quy định như trên, giá dịch vụ hoa tiêu được tính lũy tiến như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dưới 10 hải lý; - Từ 10 hải lý đến 30 hải lý; - Trên 30 hải lý; <p>Giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu : 324 USD/lượt dẫn tàu</p>	Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số GCN: HT 3804/2.22.31	USD/GT/HL	0,00367 0,00238 0,00162	0,00367 0,00238 0,00162	Không Không Không
2.5	Đối với các trường hợp sử dụng dịch vụ hoa tiêu hàng hải quy định tại điểm 2.4 khoản 2 của bảng kê khai giá này, tàu thuyền có dung tích từ 80.000 GT trở lên (không áp dụng đối với tàu khách và tàu hàng lỏng) hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, trung chuyển, giá dịch vụ hoa tiêu được tính lũy tiến như sau:					
a	Phần dung tích trên 80.000 GT đến 120.000 GT	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 3804/2.22.31	USD/GT/HL	Không quy định	50% mức giá quy định tại điểm 2.4 khoản 2	(50)
b	Phần dung tích trên 120.000GT đến 160.000	Theo tiêu chuẩn ISO	USD/GT/HL	Không quy định	40% mức giá quy	(60)

	GT	9001: 2015 số GCN: HT 3804/2.22.31			định tại điểm 2.4 khoản 2	
c	Phần dung tích trên 160.000 GT trở lên	Theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 số GCN: HT 3804/2.22.31	USD/GT/HL	Không quy định	30% mức giá quy định tại điểm 2.4 khoản 2	(70)
2.6	Hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 03 giờ, người yêu cầu hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi: - Hoa tiêu - Hoa tiêu và phương tiện + Hoa tiêu chưa rời vị trí xuất phát: Tính là 01 giờ; + Hoa tiêu đã rời vị trí xuất phát: thời gian chờ đợi tính từ lúc xuất phát đến khi hoa tiêu trở về vị trí ban đầu, thời gian chờ đợi trong trường hợp này được tính tối thiểu là 01 giờ; + Hoa tiêu đã hoàn thành việc dẫn tàu, nếu thuyền trưởng vẫn giữ hoa tiêu lại sẽ tính thêm tiền chờ đợi theo số giờ giữ lại thực tế.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số GCN: HT 3804/2.22.31	USD/giờ/người	10,8	10,8	Không
			USD/giờ/người	21,6	21,6	Không
2.7	Hủy bỏ yêu cầu dịch vụ hoa tiêu sau khi hoa tiêu đã chờ đợi tại địa điểm yêu cầu dịch vụ hoa tiêu quá 04 giờ.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số GCN: HT 3804/2.22.31	USD/GT/HL	80% mức giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3,2.4.	80% mức giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3,2.4.	Không
2.8	Hoa tiêu đã lên tàu mà người yêu cầu hoa tiêu hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số GCN: HT 3804/2.22.31	USD/GT/HL	Không quy định	80% mức giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3,2.4.	80
2.9	Tàu thuyền có hành trình để thử máy móc thiết bị, hiệu chỉnh la bàn.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số GCN:	USD/GT/HL	110% mức giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3,2.4.	110% mức giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3,2.4.	Không

		HT 3804/2.22.31				
2.10	Tàu thuyền không tự vận hành được vì lý do sự cố kỹ thuật mà phải sử dụng tàu lai.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số GCN: HT 3804/2.22.31	USD/GT/HL	150% mức giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3,2.4.	150% mức giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3,2.4.	Không
2.11	Tàu thuyền yêu cầu hoa tiêu đột xuất (ngoài quy định tại các điểm 2.6, 2.7, 2.8, 2.9 và 2.10 khoản này)	Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số GCN: HT 3804/2.22.31	USD/GT/HL	110% mức giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3,2.4.	110% mức giá quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3,2.4.	Không
1.12	Hoa tiêu đã lên tàu nhưng tàu thuyền không vận hành được vì lý do bất khả kháng (có xác nhận của cảng vụ hàng hải)	Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số GCN: HT 3804/2.22.31	USD	324	324	Không
2.13	Tàu thuyền không tới thẳng cảng đến mà yêu cầu neo lại dọc đường (trừ các tuyến không được chạy đêm) người yêu cầu hoa tiêu phải trả chi phí phương tiện phát sinh thêm trong việc đưa đón hoa tiêu.	Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số GCN: HT 3804/2.22.31	USD/tàu/lượt	32,4	32,4	Không
2.14	Tàu thuyền phải dịch chuyển giữa các cầu cảng trong phạm vi bến cảng theo yêu cầu của giám đốc doanh nghiệp cảng	Theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 số GCN: HT 3804/2.22.31	Đồng/GT USD/GT	64,8	0,0162	

II. Phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện niêm yết giá.

Từ ngày 15/02/2024, Công ty Cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu thực hiện thu giá dịch vụ hoa tiêu theo Thông tư số 39/2023/TT-BGTVT ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam. Công ty Cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu thực hiện niêm yết giá không có biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá dịch vụ, Công ty niêm yết lại giá dịch vụ cho phù hợp với quy định trong Thông tư số 39/2023/TT-BGTVT ngày 25 tháng 12 năm 2023.

- Tăng giá một số dịch vụ do mức giá hiện nay không còn phù hợp, mức thu quá thấp so với giá cả thị trường biến động và tồn tại từ

rất lâu chưa được điều chỉnh, các doanh nghiệp hoa tiêu thu không đủ bù đắp chi phí, đảm bảo hoạt động kinh doanh có lãi.

+ Giá thu tối thiểu cho một lượt dẫn tàu hoạt động vận tải nội địa.

+ Hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 03 giờ, người yêu cầu hoa tiêu phải trả tiền hoa tiêu chờ đợi.

- Giảm giá: giảm giá lũy tiến dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với các tàu thuyền có dung tích từ 80.000 GT trở lên (không áp dụng đối với tàu khách và tàu hàng lỏng) hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, trung chuyển quy định trong Thông tư số 39/2023/TT-BGTVT ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ Giao thông vận tải.

Công ty thực hiện niêm yết lại giá dịch vụ hoa tiêu theo quy định tại Thông tư số 39/2023/TT-BGTVT ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ Giao thông vận tải có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2024, thay thế Thông tư số 54/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải.

III. Các chính sách và mức khuyến mại, giảm giá hoặc chiết khấu đối với các đối tượng khách hàng:

Mức giá niêm yết thực hiện từ ngày 15/02/2024 nằm trong khung giá quy định tại Thông tư số 39/2023/TT-BGTVT ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ Giao thông vận tải. Các trường hợp tính giá cụ thể được áp dụng theo Điều 10 và Điều 11 Thông tư số 39/2023/TT-BGTVT ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam.

1. Đối với tàu thuyền chở hàng lỏng: dung tích toàn phần tính bằng 85% GT lớn nhất ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định, không phân biệt tàu có hay không có các kết nước dẫn.

2. Đối với tàu thuyền chở khách: dung tích toàn phần tính bằng 50% GT lớn nhất ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định.

3. Đối với các trường hợp sử dụng dịch vụ hoa tiêu hàng hải quy định tại điểm 2.4 khoản 2 mục I bảng niêm yết giá này, tàu thuyền có dung tích từ 80.000 GT trở lên (không áp dụng đối với tàu khách và tàu hàng lỏng), hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, trung chuyển, giá dịch vụ hoa tiêu được tính lũy tiến như sau:

a) Phần dung tích trên 80.000 GT đến 120.000 GT, áp dụng mức giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải bằng 50% quy định tại điểm 2.4 khoản 2 mục I bảng niêm yết giá này.

b) Phần dung tích trên 120.000 GT đến 160.000 GT, áp dụng mức giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải bằng 40% quy định tại điểm 2.4 khoản 2 mục I bảng niêm yết giá này.

c) Phần dung tích trên 160.000 GT trở lên, áp dụng mức giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải bằng 30% quy định tại điểm 2.4 khoản 2 mục I bảng niêm yết giá này.

4. Tàu thuyền (trừ tàu thuyền chở khách) vào, rời một khu vực hàng hải tối thiểu 04 chuyến/ tháng/khu vực hàng hải trở lên, thì từ chuyến thứ tư trở đi của tàu này trong tháng, áp dụng bằng 80% mức giá quy định trong bảng giá dịch vụ niêm yết này nhưng không thấp hơn 2.160.000 VNĐ đối với tàu hoạt động nội địa và 324 USD đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế;

5. Tàu thuyền chở khách vào, rời khu vực hàng hải tối thiểu 4 chuyến/tháng/khu vực hàng hải, từ chuyến thứ tư trở đi của tàu này trong tháng, áp dụng bằng 50% mức giá quy định trong bảng giá dịch vụ niêm yết này nhưng không thấp hơn 2.160.000 VNĐ đối với tàu hoạt động nội địa và 324 USD đối với tàu hoạt động quốc tế.

6. Tàu thuyền chở khách hoạt động quốc tế có dung tích toàn phần từ 50.000 GT trở lên vào, rời một khu vực hàng hải, áp dụng bằng 40% mức giá quy định trong bảng giá dịch vụ niêm yết này nhưng không thấp hơn 324 USD.

7. Tàu thuyền hoạt động vào, rời khu vực hàng hải lấy nhiên liệu, thực phẩm, nước ngọt, thay đổi thuyền viên, sửa chữa, phá dỡ hoặc chạy thử sau khi sửa chữa hoặc đóng mới mà không bốc dỡ hàng hoá, không đón, trả khách, áp dụng bằng 70% mức giá quy định trong bảng giá dịch vụ niêm yết này.

8. Tàu thuyền vào, rời tránh trú bão hoặc để bàn giao người bị nạn trên biển mà không xếp dỡ hàng hoá, không nhận trả khách có xác nhận của Cảng vụ hàng hải tại khu vực; Tàu thuyền tham gia tìm kiếm cứu nạn, phòng chống lụt bão, thiên tai theo lệnh điều động hoặc được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền không thuộc đối tượng tính giá dịch vụ hoa tiêu trong bảng niêm yết giá này.

IV. Đối tượng khách hàng áp dụng thuế suất giá trị gia tăng 0%

Trường hợp khách hàng là tổ chức, các nhân thuộc đối tượng chịu thuế suất giá trị gia tăng 0% thì điều kiện áp dụng theo quy định tại Mục d Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật thuế giá trị gia tăng, cụ thể như sau:

“Dịch vụ của ngành hàng hải áp dụng thuế suất 0% thực hiện tại khu vực cảng và đáp ứng các điều kiện sau:

- Có hợp đồng cung ứng dịch vụ với tổ chức ở nước ngoài, người đại lý tàu biển hoặc yêu cầu cung ứng dịch vụ của tổ chức ở nước ngoài hoặc người đại lý tàu biển;

- Có chứng từ thanh toán dịch vụ qua ngân hàng của tổ chức ở nước ngoài hoặc có chứng từ thanh toán dịch vụ qua ngân hàng của người đại lý tàu biển cho cơ sở cung ứng dịch vụ hoặc các hình thức thanh toán khác được coi là thanh toán qua ngân hàng”.

V. Đối tượng khách hàng áp dụng thuế suất giá trị gia tăng 8%

Trường hợp khách hàng là tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng chịu thuế suất giá trị gia tăng 8% khi không đáp ứng đầy đủ các điều kiện áp dụng thuế suất 0%.

Tỷ giá (VNĐ/USD) áp dụng là tỷ giá mua vào chuyển khoản công bố tại Ngân hàng đơn vị kê khai giá mở tài khoản tại thời



điểm đơn vị xuất hóa đơn GTGT

Mức giá niêm yết này thực hiện từ ngày 15 tháng 02 năm 2024.

Công ty Cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu cam kết về việc các dịch vụ đề nghị công bố giá không vi phạm các quy định về kinh doanh dịch vụ tương ứng; đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực giá và nghĩa vụ của tổ chức kinh doanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 và Điều 12 – Luật giá số 11/2012/QH13.

Công ty Cổ phần Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, kê khai và niêm yết./.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Cẩm